

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Năm Căn – Bò Đề

CMU - 03 - 2024

Vùng biển: tỉnh Cà Mau.

Tên luồng: Luồng hàng hải Năm Căn – Bò Đề.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu NC_2407_01 đến NC_2407_13, tỷ lệ 1/5000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 7/2024 và các số liệu liên quan.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Năm Căn – Bò Đề như sau:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng 60 m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

1. Đoạn 1: Đoạn luồng biển (từ phao BHHH số “0” vào đến cửa sông Bò Đề), có chiều dài khoảng 13,0 km.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến phao BHHH số “4” + 220 m có chiều dài khoảng 3,2 km, độ sâu đạt 4,2 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “4” + 220 m đến phao BHHH số “8”, chiều dài khoảng 2,7 km, độ sâu đạt 2,5 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “8” đến phao BHHH số “12” + 800 m, chiều dài khoảng 3,8 km, độ sâu đạt 1,8 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “12” + 800 m đến phao BHHH số “14”, có chiều dài khoảng 1,5 km, độ sâu đạt 3,2 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “14” đến cửa sông Bò Đề, có chiều dài khoảng 1,8 km, độ sâu đạt 8,4 m.

2. Đoạn 2: Đoạn luồng trong sông (từ cửa sông Bò Đề vào khu vực tiếp giáp vàm Trại Lưới cách Bến cảng Năm Căn 3,5 km về phía thượng lưu), có chiều dài khoảng 34,0 km, chiều rộng 60 m.

a. Đoạn luồng hàng hải từ cửa sông Bò Đề đến cảng Năm Căn có chiều dài khoảng 30,5 km, có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng tọa độ sau:

Số hiệu Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
T2	08°45’45,7” N	105°12’44,4” E	08°45’42,1” N	105°12’50,8” E
T2-1	08°46’05,7” N	105°12’23,1” E	08°46’02,0” N	105°12’29,5” E

Số hiệu Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
T2-2	08°46'13,5" N	105°12'06,9" E	08°46'09,9" N	105°12'13,3" E
T2-3	08°46'09,1" N	105°11'53,9" E	08°46'05,5" N	105°12'00,3" E
T2-4	08°45'59,4" N	105°11'37,7" E	08°45'55,7" N	105°11'44,1" E
T2-5	08°46'05,2" N	105°11'25,6" E	08°46'01,5" N	105°11'31,9" E
T2-6	08°46'41,7" N	105°11'06,6" E	08°46'38,1" N	105°11'13,1" E
T2-7	08°47'02,4" N	105°11'09,1" E	08°46'58,7" N	105°11'15,5" E
T2-8	08°47'24,6" N	105°11'14,9" E	08°47'20,9" N	105°11'21,3" E
T2-9	08°47'40,7" N	105°11'14,7" E	08°47'37,1" N	105°11'21,1" E
T2-10	08°47'51,6" N	105°11'03,4" E	08°47'47,9" N	105°11'09,8" E
T2-11	08°47'48,1" N	105°10'49,8" E	08°47'44,5" N	105°10'56,2" E
T2-12	08°47'03,1" N	105°10'12,7" E	08°46'59,5" N	105°10'19,1" E
T2-13	08°46'51,1" N	105°09'25,9" E	08°46'47,5" N	105°09'32,3" E
T2-14	08°46'02,2" N	105°08'45,1" E	08°45'58,5" N	105°08'51,5" E
T2-15	08°45'44,8" N	105°08'41,4" E	08°45'41,2" N	105°08'47,8" E
T2-16	08°45'37,9" N	105°08'34,4" E	08°45'34,4" N	105°08'40,8" E
T2-17	08°45'36,1" N	105°08'26,9" E	08°45'32,5" N	105°08'33,3" E
T2-18	08°45'35,7" N	105°07'29,6" E	08°45'32,1" N	105°07'36,0" E
T2-19	08°45'46,6" N	105°06'58,5" E	08°45'42,9" N	105°07'04,9" E
T2-20	08°46'06,9" N	105°06'41,7" E	08°46'03,3" N	105°06'48,1" E
T2-21	08°46'27,9" N	105°05'35,4" E	08°46'24,4" N	105°05'41,8" E
T2-22	08°46'39,9" N	105°05'12,8" E	08°46'36,3" N	105°05'19,2" E
T2-23	08°46'53,0" N	105°04'50,8" E	08°46'49,4" N	105°04'57,2" E
T2-24	08°46'57,1" N	105°04'40,7" E	08°46'53,5" N	105°04'46,8" E
T2-25	08°47'11,2" N	105°04'23,1" E	08°47'07,6" N	105°04'29,5" E
T2-26	08°47'14,9" N	105°04'15,4" E	08°47'11,3" N	105°04'21,8" E
T2-27	08°47'09,3" N	105°04'02,5" E	08°47'05,6" N	105°04'08,9" E
T2-28	08°46'48,2" N	105°03'41,9" E	08°46'44,5" N	105°03'48,3" E
T2-29	08°46'30,2" N	105°03'06,9" E	08°46'26,6" N	105°03'13,4" E
T2-30	08°46'21,8" N	105°02'33,9" E	08°46'18,2" N	105°02'40,3" E
T2-31	08°46'57,1" N	105°04'40,4" E	08°46'53,4" N	105°04'46,8" E

Số hiệu Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
T2-32	08°46'18,3" N	105°02'10,8" E	08°46'14,6" N	105°02'17,2" E
T2-33	08°46'13,9" N	105°01'55,9" E	08°46'10,3" N	105°02'02,3" E
T2-34	08°45'53,1" N	105°01'58,9" E	08°45'49,5" N	105°01'25,3" E
T2-35	08°45'47,8" N	105°00'25,6" E	08°45'44,2" N	105°00'32,0" E
T2-36	08°45'37,9" N	105°00'03,3" E	08°45'34,3" N	105°00'09,7" E

Độ sâu đoạn luồng này đạt 11,3 m.

b. Đoạn luồng từ cảng Năm Căn đến thượng lưu cảng Năm Căn + 3,5 km, chiều dài khoảng 3,5 km, có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng sau:

Số hiệu Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
T2-37	08°45'08,9" N	104°58'57,9" E	08°45'05,3" N	104°59'04,3" E
T2-38	08°45'01,9" N	104°58'47,8" E	08°44'58,3" N	104°58'54,2" E
T2-39	08°44'45,7" N	104°58'14,4" E	08°44'42,0" N	104°58'20,8" E

Độ sâu đoạn luồng này đạt 9,8 m.

3. Chương ngại vật trên luồng: Đáy cá di động xuất hiện rải rác từ cửa sông Bồ Đề đến cảng Năm Căn.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải trên tuyến luồng hàng hải Năm Căn – Bồ Đề, căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống BHHH dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn, lưu ý các đáy cá di động. Và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Bảng}.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

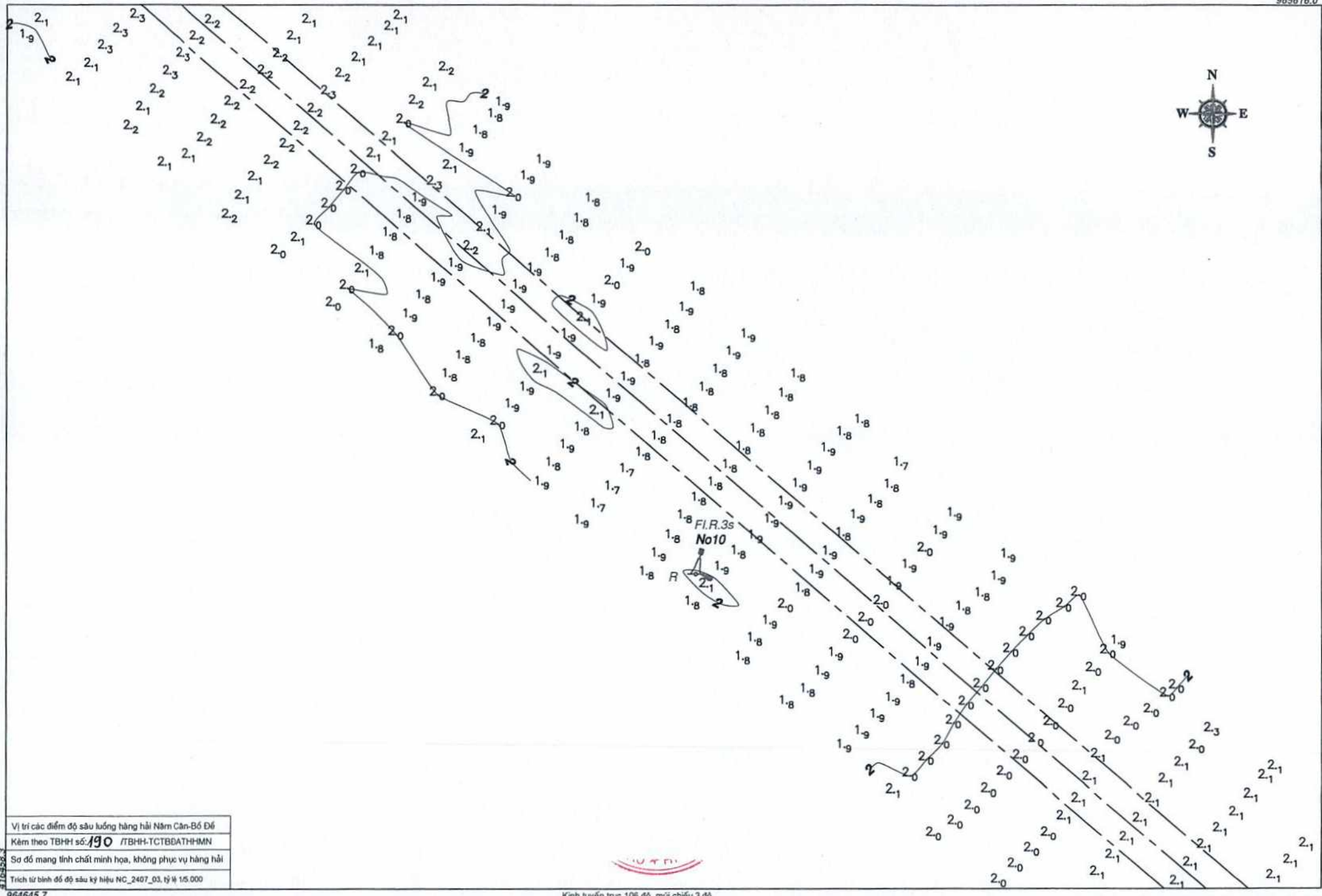


Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng XD Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 17 Trường Đại học GTVT Tp.HCM
- 18 Trường Cao đẳng Hàng hải II
- 19 Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn
- 20 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 21 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 22 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 23 Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
- 24 Phòng CSGT đường thủy tỉnh Cà Mau
- 25 Sở GTVT tỉnh Cà Mau
- 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ
- 27 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 28 Sở NN&PTNT tỉnh Cà Mau
- 29 Đài thông tin Duyên hải Cà Mau





Vị trí các điểm độ sâu luồng hàng hải Năm Căn-Bố Đồ
Kèm theo TBHH số 190 /TBHH-TCTBĐATHHVN
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu kỹ hiệu NC_2407_03, tỷ lệ 1:5.000
964645.7